

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM NOOM

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ
TCCS 01:2018/NOOMFOOD

Áp dụng cho sản phẩm: NHANG

Quảng Nam, 2018

LỜI NÓI ĐẦU

Tiêu chuẩn cơ sở **TCCS 01:2018/NOOMFOOD** do Công ty TNHH Thực phẩm Noom công bố để áp dụng cho sản phẩm **Nhang** do Công ty TNHH Thực phẩm Noom sản xuất và lưu hành tại Việt Nam.

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu về thành phần hóa chất được phát hiện trong khối nhang phù hợp với tiêu chuẩn quy chuẩn quốc gia QCVN 19:2009/BTNMT - TCVN 6994:2001.

2. Phương pháp kiểm nghiệm :

- GC-MS (m70mm020)
- IC (ref methode 7903 Issue 2, 1994 (NIOSH))
- Supelco Air methode guide

3. Yêu cầu về kỹ thuật

3.1. Chỉ tiêu cảm quan

Yêu cầu về cảm quan sản phẩm được quy định trong Bảng 1.

Bảng 1: Các chỉ tiêu cảm quan của sản phẩm

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng tấm cây, dạng cục hình nón, dạng sợi vòng
2	Màu sắc	Màu nâu và màu xám tro
3	Mùi	Đặc trưng của sản phẩm

3.2. Các chỉ tiêu hợp chất vô cơ quy định trong Bảng 2

Bảng 2: Các chỉ tiêu hợp chất vô cơ

STT	Chỉ tiêu	Mức chất lượng
1	Clo	Theo QCVN 19:2009/BTNMT (mg/Nm ³)
2	Flo, HF, hoặc các hợp chất vô cơ của Flo, tính theo HF	
3	Hơi HNO ₃	
4	Hơi H ₂ SO ₄	
5	Nitơ Oxit tính theo NO ₂	

3.3. Các chỉ tiêu hợp chất hữu cơ : quy định trong Bảng 3

Bảng 3: Chỉ tiêu hợp chất hữu cơ

STT	Chỉ tiêu	Giới hạn tối đa
1	Theo TCVN 6994:2001	Không phát hiện

4. Nguyên liệu: Bột vỏ quế hoặc bột trầm hương, bột vỏ bời lời tự nhiên, không tẩm hóa chất

5. Đóng gói, ghi nhãn, bảo quản:

5.1. Quy cách bao gói:

- Sản phẩm được đóng vào bao bì giấy hoặc theo yêu cầu của khách hàng;
- Trọng lượng đóng gói: 50g, 150g, 300g hoặc theo yêu cầu của khách hàng.

5.2. Ghi nhãn: Việc ghi nhãn sản phẩm được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

Nhãn mẫu: đính kèm

5.3. Hạn dùng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

5.4. Bảo quản: Giữ kín và để nơi khô ráo, tránh ẩm và tránh tiếp xúc nhiều không khí.

6. Công dụng:

- Dùng cho nghi thức thờ cúng, tẩy uế
- Thanh khí, dưỡng khí tạo không khí gia đình ấm áp

Quảng Nam, ngày 01 tháng 09 năm 2018

GIÁM ĐỐC



Bùi Thị Hồng Thu

1407111001

卷一



卷之四

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Mã số mẫu : 17031154

Tên mẫu : NHANG

Các thành phần hóa chất được phát hiện trong khói nhang :

TT	THÀNH PHẦN	HÀM LƯỢNG (mg/Nm ³)	GIỚI HẠN TỐI ĐA THEO QCVN 19:2009/BTNMT (mg/Nm ³)
Hợp chất vô cơ:			
1	Clo	0,7	30
2	Flo, HF, hoặc các hợp chất vô cơ của Flo, tính theo HF	0,8	12
3	Hơi HNO ₃	0,8	300
4	Hơi H ₂ SO ₄	0,9	30
5	Nitơ Oxit tính theo NO ₂	10,8	510
Hợp chất hữu cơ:			
6	Hợp chất hữu cơ	Không phát hiện các chất có trong quy định TCVN 6994:2001	

Nhận xét : Các thành phần hóa chất phát hiện trong khói nhang đạt theo QCVN 19:2009/BTNMT và TCVN 6994:2001

Ghi chú : Mẫu được đốt trong ống . Khói được hấp phụ vào cột hấp phụ chuyên dụng với lưu lượng 1lít/phút. Thời gian cho hấp phụ hợp chất vô cơ : 10 phút; thời gian cho hấp phụ hợp chất hữu cơ là 10 phút.

Phương pháp kiểm nghiệm:

- GC-MS (m70mm020)
- IC (ref Methode 7903, Issue 2, 1994 (NIOSH))
- Supelco Air methode guide



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP.HCM
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP.HCM
 CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

P 1/1 - MM17031154



LAS-NN

05

VIMCERTS 147

Mã số mẫu/ Sample Code
 BN17030373
 MM17031154

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM *TEST REPORT*

BMNM 02/3 - LBH 03
 Ngày/Date : 24/04/2017

PHIẾU KẾT QUẢ NÀY THAY THẾ PHIẾU KẾT QUẢ SỐ MM17031154 RA NGÀY 20/03/2017

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM NOOM**
 Địa chỉ/ Address : **TỔ 3, THÔN LIỄU TRÌ, XÃ BÌNH NGUYÊN - HUYỆN THẮNG BÌNH - TỈNH QUẢNG NAM**
 Tên mẫu/ Name of sample : **NHANG**
 Số lượng/ Quantity : **1**
 Tình trạng mẫu/ Sample description : **Nhang**
 Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **06/03/2017**
 Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **16/03/2017**

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Đánh giá khói nhang		Xem bảng kết quả đính kèm	See attached analytical result

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

**Phụ trách phòng thử nghiệm/
 Officer in charge of laboratory**

Đoàn Thị Bội Hạnh

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



TS. Chu Văn Hải

1) Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2) Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM/ This above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3) Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

Trụ sở chính: 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đakao, Q.1, TP.HCM
 Điện thoại: 08.38295087 - 38296113 - 38291744
 Fax: 08.39117216
 Email: casehcm@case.vn

Chi nhánh Cần Thơ: F2.67 - F2.68, Đường số 6,
 KDC 586, P. Phú Thứ, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ
 Điện thoại: 0710.3918216-217-218 | Fax: 0710.3918219
 Email: case-ct@vnn.vn

VPĐD Miền Trung: Số 300, Đường 23/10,
 P. Ngọc Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
 ĐT: (058) 3811 808 | Fax: (058) 3811 809
 Email: vanphongmienTrung@case.vn



SAMPLE CODE: MM 17031154

The volatile compounds were detected in the incense smoke:

No	Components	Content (mg/Nm ³)	Limit according to QCVN 19:2009/BTNMT (mg/Nm ³)
Inorganic compounds			
1	Clor	0,7	30
2	Fluor , HF, or inorganic components of Fluor calculated from HF.	0,8	12
3	HNO ₃ volatile	0,8	300
4	H ₂ SO ₄ volatile	0,9	30
5	Nitrogen oxides from NO ₂	10,8	510
Organic compounds			
6	Organic compounds	The compounds in TCVN 6994:2001 were not detected	

Remark : The compounds detected in the incense smoke satisfied The QCVN 19:2009/BTNMT Vietnam and TCVN 6994:2001.

Note : The sample was burned in a tube. The smoke was trapped into an absorber tube with the flow of 1 litre/min, 20 minutes for inorganic compounds and 20 minutes for organic compounds.

Test method:

- GC-MS (m70mm020)
- IC (ref Methode 7903, Issue 2, 1994 (NIOSH))
- Supelco Air method guide